TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **641**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1985. Địa chỉ: E ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Vũ Đức D - sinh năm: 1960. Địa chỉ: E ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng thời gian sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt, tiền bạc trong gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Đức D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Vũ Đức D và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung tên Vũ Nhật N - sinh ngày 01/5/2021 và Vũ Nhật Mai A - sinh ngày 31/8/2022. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục các con chung; yêu cầu ông Vũ Đức D cấp dưỡng 10 triệu mỗi tháng để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông Vũ Đức D vắng mặt không lý do và bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Vũ Đức D vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2021 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2021, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên toà, bà Nguyễn Thị L là xác định đời sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt và tiền bạc trong gia đình, nên tiếp tục yêu cầu ly hôn.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D đã mâu thuẫn, không còn thương yêu, quý trọng nhau, mỗi người mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D có 02 con chung tên Vũ Nhật N - sinh ngày 01/5/2021 và Vũ Nhật Mai A - sinh ngày 31/8/2022. Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung; không yêu cầu ông Vũ Đức D cấp dưỡng.

[9] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

[10] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên và lời trình bày của bà Nguyễn Thị L xác định hiện nay có chỗ ở và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, giao 02 con chung tên Vũ Nhật N - sinh ngày 01/5/2021 và Vũ Nhật Mai A - sinh ngày 31/8/2022 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên toà bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Vũ Đức D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Vũ Đức D.

3. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Đức D có 02 con chung tên Vũ Nhật N - sinh ngày 01/5/2021 và Vũ Nhật Mai A - sinh ngày 31/8/2022. Giao bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Vũ Nhật N1 và Vũ Nhật Mai A cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Vũ Đức D cho đến khi bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 13/02/2025, bà Nguyễn Thị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0081513 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt không tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.